

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

- Tên học phần (tiếng Việt) : **Luật Thương mại**
- Tên học phần (tiếng Anh) : **Commercial Law**
- Mã học phần : **LE2013**
- Trình độ : **Cử nhân**
- Loại học phần : ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - ☐ Kiến thức giáo dục đại cương
 - ☐ Kiến thức cơ sở khối ngành
 - ☐ Kiến thức cơ sở ngành
 - ☐ Kiến thức ngành /chuyên ngành
 - ☐ Kiến thức cuối khoá
- Thuộc thành phần
- Khoa, Bộ môn phụ trách : **Khoa Kinh tế - Quản trị, Bộ môn Luật**
- Số tín chỉ : **3 (3,0,6)**
(Lý thuyết, thực hành, Tự học)
 - Lên lớp (lý thuyết): 45 giờ
 - Làm việc nhóm, thực hành, thảo luận: 90 giờ
 - Tự học, tự nghiên cứu: 15 giờ
- Phân bổ thời gian
- Học phần tiên quyết : **Đã học xong chương trình đại cương**
- Học phần học trước : **Không**
- Học phần song hành : **không**

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (Course description)

- Luật thương mại là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại. Bên cạnh đó, luật thương mại còn cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp thương mại, đặc biệt là giải quyết tranh chấp thương mại ngoài toà án.
- Thông qua môn học này, sinh viên tăng cường hiểu biết về pháp luật thương mại đồng

thời hoàn thiện thêm các kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề luật.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	
O1	- Có những hiểu biết toàn diện về thương nhân và hành vi thương mại; - Nắm được các đặc điểm pháp lí của các loại thương nhân, bao gồm: CTCP, công ti TNHH, công ti hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, nhóm công ti và HTX; - Nhận diện được từng loại hình doanh nghiệp, phân biệt chúng và đánh giá được ưu điểm, hạn chế của từng loại; - Nắm được quy định về thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lí về thành viên đầu tư thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp;
Kỹ năng	
O2	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật thương mại; Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh; Bình luận, đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng;
O3	- Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường; - Hình thành thái độ khách quan đối với lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể có liên quan đến hoạt động kinh doanh , bao gồm lợi ích của thương nhân, của người lao động và của Nhà nước.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
O4	Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá;

	Phát triển kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, LVN, lập mục tiêu, phân tích chương trình. Có trách nhiệm công dân về thực thi các định chế về quan hệ pháp luật thương mại
--	---

4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

(Cụ thể hóa mục tiêu cụ thể, gồm các chuẩn đầu ra về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm)

Ox	CLOx	PLOx
Kiến thức		
O1	CLO1. Hiểu được vị trí vai trò của ngành Luật thương mại trong hệ thống pháp luật. Hệ thống hóa được kiến thức nền tảng về Luật thương mại Việt Nam. Phân tích, giải thích, đánh giá các vấn đề pháp lý về tổ chức thành lập doanh nghiệp, quản lý vốn, cung cấp dịch vụ, hành hóa	PLO2 PLO3
O2	CLO2. Vận dụng những kiến thức đã học ở môn Luật thương mại vào giải quyết các tình huống thực tế. CLO3. Giải thích, bình luận được các quy định của Luật thương mại hiện hành.	PLO4 PLO6
Kỹ năng		
O3	CLO4. Biết tìm kiếm, thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin liên quan phục vụ cho quá trình nghiên cứu các vấn đề của Luật thương mại. CLO5. Thuyết trình được các báo cáo. Có khả năng lập luận, phản biện để bảo vệ quan điểm cá nhân về các vấn đề liên quan đến hoàn thiện nội dung Luật thương mại hiện hành. CLO6. Biết cách tìm kiếm, tra cứu, lựa chọn tài liệu để thực hiện các nhiệm vụ được giao.	PLO4 PLO6 PLO8
Mức tự chủ và trách nhiệm		
O4	CLO7. Biết hợp tác, làm việc trong nhóm hiệu quả để giải quyết các nhiệm vụ học tập.	PLO13 PLO15

	- Sẵn sàng sử dụng kiến thức Luật thương mại để hỗ trợ người khác.	
--	--	--

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH DẠY HỌC (Course content)
(theo bài giảng)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
Bài 1	Chương 1: Thương nhân và hoạt động thương mại 1.1. Khái quát về thương nhân 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đặc điểm của thương nhân 1.1.3. Phân loại thương nhân 1.1.4. Thương nhân nước ngoài hoạt động thương mại tại Việt Nam 1.2. Hoạt động thương mại 1.2.1. Khái niệm hoạt động thương mại 1.2.2. Đặc điểm của hoạt động thương mại	3		1		4
Bài 2	Chương 1: Thương nhân và hoạt động thương mại (tt) 1.2.3. Các loại hoạt động thương mại 1.3. Áp dụng luật đối với hoạt động thương mại 1.4. Các nguyên tắc trong hoạt động thương mại	3	12	1		16
Bài 3	Chương 2: Pháp luật về mua bán hàng hóa 2.1. Khái quát về mua bán hàng hóa 2.2. Hợp đồng mua bán hàng hóa trong thương mại	3		1		4

		Số giờ				
Số TT	2.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa Nội dung (Tên bài giảng) 2.2.2. Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa					TỔNG
Bài 4	Chương 2: Pháp luật về mua bán hàng hóa (tt) 2.2.3. Giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa 2.2.4. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hóa 2.2.5. Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa 2.3. Mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hoá	3	12	1		16
Bài 5	Chương 3: Hoạt động cung ứng dịch vụ 3.1. Khái niệm, đặc điểm của cung ứng dịch vụ 3.2. Hợp đồng cung ứng dịch vụ 3.3. Một số hoạt động cung ứng dịch vụ cụ thể 3.3.1. Dịch vụ Logistics 3.3.2. Dịch vụ quá cảnh hàng hoá 3.3.3. Dịch vụ giám định thương mại	3	6	1		10
Bài 6	Chương 4: Hoạt động trung gian thương mại 4.1. Những vấn đề lý luận cơ bản về trung gian thương mại 4.1.1. Khái niệm, đặc điểm 4.1.2. Vai trò của trung gian thương mại 4.2. Các hoạt động trung gian thương mại theo pháp luật thương mại Việt Nam 4.2.1. Đại diện cho thương nhân	3		1		4

		Số giờ				
Bài 7 Số TT	Chương 4: Hoạt động trung gian thương mại (tt) <i>(16 bài giảng)</i> 4.2.2. Môi giới thương mại 4.2.3. Ủy thác mua bán hàng hoá 4.2.4. Đại lý thương mại	3	12	1		16 TỔNG
Bài 8	Chương 5: Các hoạt động thương mại khác 5.1. Hoạt động gia công trong thương mại 5.1.1. Khái niệm gia công hàng hoá 5.1.2. Đặc điểm của gia công hàng hoá 5.1.3. Vai trò của gia công trong thương mại 5.1.4. Hàng hoá gia công 5.1.5. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng 5.2. Đấu thầu hàng hoá, dịch vụ 5.2.1. Khái niệm và đặc điểm đấu thầu hàng hoá, dịch vụ 5.2.2. Các hình thức và phương thức đấu thầu hàng hoá, dịch vụ 5.2.3. Thủ tục đấu thầu hàng hoá dịch vụ	3	6	1		10
Bài 9	Chương 5: Các hoạt động thương mại khác (tt) 5.3. Cho thuê hàng hoá 5.3.1. Khái niệm và đặc điểm cho thuê hàng hoá 5.3.2. Hợp đồng cho thuê hàng hoá 5.4. Nhượng quyền thương mại 5.4.1. Khái niệm, đặc điểm nhượng quyền thương mại 5.4.2. Điều kiện hoạt động nhượng quyền thương mại	3	6	1		10

		Số giờ				
Số TT	Nội dung 5.1.3. Hợp đồng nhượng quyền thương mại (Tên bài giảng)					TỔNG
Bài 10	Chương 6: Pháp luật về xúc tiến thương mại 6.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động xúc tiến thương mại 6.2. Các hoạt động xúc tiến thương mại cụ thể 6.2.1. Khuyến mại	3	6	1		10
Bài 11	Chương 6: Pháp luật về xúc tiến thương mại (tt) 6.2.2. Quảng cáo thương mại	3	6	1		10
Bài 12	Chương 6: Pháp luật về xúc tiến thương mại (tt) 6.2.3. Trưng bày và giới thiệu hàng hoá 6.2.4. Triển lãm thương mại	3	6	1		10
Bài 13	Chương 7: Chế tài và khiếu nại trong thương mại 7.1. Khái quát về chế tài trong thương mại 7.1.1 Khái niệm và đặc điểm của chế tài trong thương mại 7.1.2. Chức năng của chế tài trong thương mại 7.1.3. Miễn trách nhiệm	3	6	1		10
Bài 14	Chương 7: Chế tài và khiếu nại trong thương mại (tt) 7.2. Các loại chế tài trong thương mại 7.3. Khiếu nại trong thương mại	3	6	1		10
Bài 15	Ôn tập + Kiểm tra	3	6	1		10

		Số giờ				
Số TT	Tổng nội dung (Tên bài giảng)	45	90	15		150 TỔNG

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

5.2. Thực hành:

Không

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (*Teaching – Learning methods*):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: thuyết giảng, hướng dẫn nghiên cứu tài liệu, bài tập, bài tập theo nhóm
- Thực hành: Không

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết: nghe giảng, nghiên cứu tài liệu, tổng hợp tài liệu, làm bài tập về nhà, làm bài tập theo nhóm
- Thực hành: Không

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

7.1. Tài liệu dạy học

[1] Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2021), Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hoá và dịch vụ (Tái bản lần 1, có sửa đổi và bổ sung), Nxb. Hồng Đức.

7.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Luật thương mại 2005;
- [2] Bộ luật dân sự 2015
- [3] Luật quảng cáo .
- [4] Luật quản lý ngoại thương 2017
- [5] Luật đấu giá 2016
- [6] Luật đấu thầu;
- [7] Công ước Viên 1980

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

- [1] Laptop
- [2] Slides
- [3] Máy chiếu
- [4] Viết và bảng
- [5] Micro

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (*Testing and assessment methods*)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đánh giá “Đạt” và không tính điểm trung bình học tập)	Từ 5,0 trở lên	P	
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Hoàn thành bài tập theo nhóm	Chấm bài tập	Rubic 1	100%

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh, ý thức học tập	Rubic ...	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm	Rubic ...	20% - 30%
		Câu hỏi ngắn		
		Tình huống		
		Kết quả tự học		
		...		
Kết thúc học phần	Thi	Trắc nghiệm / Tự luận	Rubic ...	60% - 70%

(Tỷ lệ Thi kết thúc học phần: Khối Sức khỏe 70% - Khối ngoài Sức khỏe 60%)

9. MA TRẬN (Matrix):

- ❖ Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: (nên có ma trận này)

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)						
	(2)	(3)	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)
CLO1	H	H	H	H	S	S	S
CLO2	H	H	H	H	P	H	S
CLO3	H	H	H	H	H	H	S
CLO4	H	H	H	H	S	S	S
CLO5	H	S	S	S	S	S	P
CLO6	H	S	S	S	S	S	P
CLO7	H	S	S	S	P	P	P

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Highly supported

Để trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

Ngoài ra có thể viết thêm ma trận khác nếu có điều kiện:

❖ Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra của học phần

PP dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)						
	(2)	(3)	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)
Thuyết trình	H	H	H	H	H	H	H
Thảo luận nhóm	H	H	H	H	H	H	S
Hỏi – trả lời	S	S	S	S	S	S	P
Báo cáo chuyên đề							
Bài tập							
....							

❖ Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)					
	(2)	(3)	(6)	(8)	(13)	(15)
Lý thuyết	H	H	H	H	H	H
Điểm chuyên cần	P	P	P	P	P	P
Điểm kiểm tra MCQ	S	S	S	S	S	S
Điểm thi kết thúc MCQ	H	H	H	H	H	H
Thực hành						
Kế hoạch thực hành, bệnh án ...						
Thi kết thúc						

❖ Ma trận tương thích nội dung dạy – học và chuẩn đầu ra của học phần

❖ Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và nội dung dạy – học

10. RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (*Scoring guide/Rubric*):

Rubic 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần

Số giờ HP Số giờ vắng	Mức điểm Thang điểm 10	Ghi chú
0%	10	
> 0% - 10%	9	Có phép
> 0% - 10%	7	Không có phép
....		
> 25%	0	Không được dự thi kiểm tra học phần

Rubic 2: thang điểm chấm bài trắc nghiệm (kiểm tra thường xuyên).

Rubic 3: Đánh giá bài báo cáo nhóm

Rubic 4: Đánh giá thuyết trình nhóm

Rubic 5: Đánh giá hoạt động cá nhân tự học

- Bài tập cá nhân

- Tham gia hoạt động nhóm
- Hoạt động trong giờ học trên lớp

Rubic 6: Thang điểm chấm bài thi thực hành

Rubic 7: Thang điểm chấm bài thi trắc nghiệm cuối kỳ

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (Student support)

- Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.
- Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ hàng tuần tại Văn phòng khoa ...

Tp.HCM, ngày tháng năm 2022

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Mai Thị Trúc Ngân

ThS. Đinh Thị Cẩm Hà

ThS Bùi Thị Tâm